

Phụ lục 01

YÊU CẦU CHI TIẾT CHẤT LIỆU VẢI

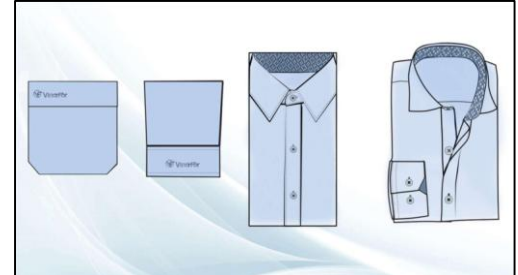
Phụ lục 01

YÊU CẦU CHI TIẾT CHẤT LIỆU VẢI

I. VẢI ÁO SƠ MI

1. Thành phần chất liệu

Vải chính (<i>xanh nhạt</i>)	Visco 35% - Poly 62% Spandex 3%
Vải phối	Hoạ tiết trên nền xanh



2. Hệ thống chỉ tiêu chất lượng

TT	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ
1	Thành phần nguyên liệu		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Visco: 35% Polyeste: 62% Spandex: 3%
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-1,0
		Ngang		0
4	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	37,8/1
		Ngang (Ne)		44,2/1
5	Khối lượng thực tế (g/m²)		TCVN 8042:2009	152
6	Độ bền	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	1056
		Ngang (N)		616
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	582
		Ngang (sợi/10cm)		348
8	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/1

II. VẢI QUẦN TÂY NAM LÃNH ĐẠO

1. Thành phần chất liệu

Chất liệu	40% wool – 60% polyester
Màu sắc	Xanh tím than



2. Hệ thống chỉ tiêu chất lượng

TT	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ
1	Thành phần nguyên liệu		ISO/TR 11827:2012	Len: 40% Polyeste: 60%
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu	TCVN 7835-C10:2007	4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-1,0
		Ngang		-0,5
4	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	51,1/2
		Ngang (Ne)		31,0/1
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	212
6	Độ bền	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	1175
		Ngang (N)		626
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	470
		Ngang (sợi/10cm)		388
8	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo biến đổi

III. VẢI VÁY/QUẦN TÂY CBNV

1. Thành phần chất liệu

Chất liệu	80% polyester – 15% visco – 5% spandex
Màu sắc	Xanh tím than



2. Hệ thống chỉ tiêu chất lượng

TT	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ
1	Thành phần nguyên liệu		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-2:2009	Polyeste: 80 % Visco: 15 % Spandex: 5%
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu	TCVN 7835-C10:2007	4-5
		Dây màu		4-5
		Diaxetat		4-5
		Bông		4-5
		Polyamit		4-5
		Polyeste		4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)	Đọc	TCVN 8041:2009	-0,5
		Ngang		0
4	Chỉ số sợi tách từ vải	Đọc (Ne)	TCVN 5095:1990	28,3/1
		Ngang (Ne)		248,1
5	Độ bền	Đọc (N)	TCVN 1754:1986	826
		Ngang (N)		1183
6	Mật độ	Đọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	491
		Ngang (sợi/10cm)		363
7	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	TCVN 4538:2007	4-5
		Ngang		4-5
		Ướt		3-4
		Ngang		3-4
8	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
9	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	242
10	pH dịch chiết		TCVN 7422:2004	6,9
11	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h.t
12	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 TCVN 7619-2:2007	Kpht

III. VẢI LEN

1. Thành phần chất liệu

Chất liệu	47% cotton, 47% acrylic, 6% nylon
Màu sắc	Xanh tím than



Hệ thống chỉ tiêu chất lượng

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ
1	Thành phần sợi	AATCC 20	Acrylic 50 % $\pm$ 5%
2	Độ bền màu		Cotton 50 % $\pm$ 5%
3	Độ bền màu với giặt	ISO 105C 10-06 - 60°C	Phai màu: $\geq$ Cấp 4 Dây màu trên sợi đa xơ (Multifibre) $\geq$ Cấp 3.5
4	Hàm lượng formandehide	ISO 14184 -1	$\leq$ 30 ppm
5	Phân tích thuốc nhuộm azo bị cấm trong sợi	ISO 14362	$\leq$ 30 ppm
6	Mức độ xù	ASTM D3512,30mins	$\geq$ Cấp 2.5